

DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Dự án: Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc

Địa điểm: Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích		Ghi chú
					Đo vẽ (m2)	Qui hoạch (m2)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ông: Nguyễn Anh Vũ	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	4	113,6	10,5	
2	Bà: Nguyễn Thị Thuý và Ông Nguyễn Minh Tự	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	8	118,6	14,5	
3	Ông: Nguyễn Văn Hựu	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	10	286,1	160	
4	Bà: Nguyễn Thị Thuý Mai	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	11	118,4	15,3	
5	Ông: Nguyễn Y Sến	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	17	115,7	14,3	
6	Bà: Nguyễn Thị Chung	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	22	104,3	6,7	
7	Ông: Nguyễn Y Sến	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	27	101,5	9,3	
8	Ông: Lê Quốc Trường	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	29	87,7	0,6	
9	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	32	144	52,5	
10	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	39	112,7	55,2	
11	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	42	109,9	60,2	
12	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	44	109,3	67	
13	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	45	372,4	305,2	
14	Ông: Đinh Quảng Phú	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	46	109	73,1	
15	Ông: Nguyễn Minh Bình	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	52	108,2	78,4	
16	Bà: Võ Thị Hà	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	59	101,4	89,8	
17	Ông: Đinh Phú Hiệp	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	69	87,5	82,3	
18	Bà: Trần Thị Thường	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	84	377,5	1,1	
19	Ông: Phạm Phối và bà: Huỳnh Thị Kim Dung	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	86	269,6	9,2	
20	Ông: Nguyễn Ngọc Danh và bà: Nguyễn Thị Đào	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	91	129,5	6,5	
21	Ông: Trần Đi	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	92	531,1	31,3	
22	Ông: Lê Tấn Dũng và bà: Lê Thị Hồng Phúc	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	97	1292,4	162,4	
23	Ông: Phạm Dách	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	101	891,2	773,6	
24	Bà: Đỗ Thị Minh Hải	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	110	106,7	98	
25	Ông: Đỗ Thanh Lâm	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	111	89,7	87,5	
26	Ông: Lê Thanh Nhân	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	112	107,3	105,1	
27	Ông: Lê Thanh Nhân	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	113	107,6	105,3	
28	Ông: Lê Thanh Nhân	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	114	115,6	104,9	
29	Ông: Lê Thanh Nhân	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	115	446	407	
30	Bà: Trần Thị Lan	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	116	92,3	91,5	
31	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	3	6628,9	1742,4	
32	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	4	831,2	821,1	

TT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích		Ghi chú
					Đo vẽ (m2)	Quy hoạch (m2)	
33	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	5	746,1	189,5	
34	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	54	2314,4	1480,4	
35	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	80	780,2	381,5	
36	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	85	563,9	563,9	
37	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	96	655,9	99,5	
38	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	4	98	423,2	423,2	
39	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	3	1	2212,9	198,4	
40	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	6	6	5152,1	83	
41	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	6	7	6008	99,9	
42	UBND phường quản lý	phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	6	47	7607,3	6562,9	
TỔNG				42	40.780,9	15.724,0	